TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 136/2019/HS-PT
Ngày: 14/10/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Dung.

Các thẩm phán: Ông Ngô Quang Dũng.

Ông Đặng Văn Quyết.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Yến Ngọc- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Hồng Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 14/10/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 179/2019/TLPT-HS ngày 21/8/2019 đối với bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Quang H1, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn N, do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Quang H1, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn N đối với bản án hình sự sơ thẩm số 41/2019/HSST ngày 26/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1996

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 10/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị D; có vợ là Nông Thị H, sinh năm 1999 và có 02 con (lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2019).

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Quang H1**, sinh năm 1997

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Nghề nghiệp: Thợ mộc; trình độ văn hóa: 09/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; Con ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị L;

Tiền án, Tiền sự: Không

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. **Nguyễn Xuân T**, sinh năm 1997

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 09/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Con ông Nguyễn Văn T và bà Ngô Thị N; Có vợ là Hoàng Thị T.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

4. **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1997

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 09/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Con ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị O.

Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

5. **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1997

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Con ông: Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị T.

Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Buổi tối ngày 17/6/2018, Nguyễn Quang H1, sinh năm 1997; Nguyễn Văn N, sinh năm 1997; Nguyễn Xuân T, sinh năm 1997; Nguyễn Văn Q, sinh năm 1997; Nguyễn Văn H, sinh năm 1996 đều ở thôn T, xã T, huyện H đi uống rượu, sau đó đi uống nước tại thị trấn T, huyện H. Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày thì đến bờ hồ thị trấn T. Lúc này, H1 điều khiển xe mô tô đèo Q và T gặp anh Nguyễn Văn T1 (tên gọi khác: Nam), sinh năm 1996; Nguyễn Văn D, sinh năm 1997; Phan Văn P, sinh năm 1997 đều ở thôn H, xã H, huyện H; Dương Văn Đ, sinh năm 1997 ở thôn A, xã H, huyện H đi xe mô tô cùng chiều. Do nghi ngờ trước đây H1 đã chặt lốp xe của T1 nên T1, Đ, D đã chặn xe của H1 và dùng dép, thắt lưng đánh H1 nhưng không bị thương tích, H1 điều khiển xe mô tô đèo Q và T bỏ chạy thì T1, Đ, D không đuổi theo nữa. Sau đó H1, Q, T đi uống nước cùng với N, H. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày N về nhà , khi về đến cây xăng Quân đội thuộc thôn B, xã H, huyện H thì N bị một số thanh niên chặn xe đánh (không gây thương tích), N điện thoại cho T nói là bị đánh thì H, T, Q, H1 đi xe mô tô đến Kè Gia Tư gặp N sau đó tất cả đi về đến khu vực thôn H, xã H, huyện H.

Theo như H, T, Q, H1, N khai thì khi về đến khu vực thôn H, xã H bị nhóm thanh niên gồm Nguyễn Văn T1, sinh năm 1994; anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1997 đều ở thôn H, xã H cùng anh Dương Văn Đ, sinh năm 1997 và một số thanh niên khác chặn đường đánh. Các đối tượng H1, N, T, Q, H đuổi đánh lại T1, D, Đ, lúc này T1, Đ, D bỏ chạy thì H, H1, N, T, Q đuổi được T1. Lúc này H giữ được T1, ôm T1 lại và hô "nó đây rồi" đồng thời dùng tay đấm vào vùng đầu của anh T1; các đối tương H1, N, T, Q dùng gậy (gậy tre) đánh vào người anh T1. Sau khi gây thương tích cho anh T1 thì các đối tượng vứt gậy ở tại hiện trường về nhà và kể lại sự cho gia đình biết sự việc. Anh T1 được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang điều trị từ ngày 18/6/2018 đến ngày 25/6/2018; sau đó tiếp tục điều trị tại Bệnh viện C Thái Nguyên từ ngày 27/6/2018 đến ngày 06/7/2018.

Tại Giấy chứng nhận thương tích ngày 17/7/2018 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang xác định: anh Nguyễn Văn T1 vào viện lúc 01 giờ 00 phút ngày 18/6/2018, ra viện ngày 25/6/2018, bị chấn thương lách độ II, ít dịch tự do ổ bụng; gãy cung trước xương sườn số 6 bên trái (BL 84)

Ngày 03/8/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hoà ra Quyết định trưng cầu giám định số 123/QĐ để trưng cầu giám định tỷ lệ tổn hại % sức khoẻ của anh T1.

Tại kết luận giám định pháp y về thương tích số 8418/18/TgT, ngày 20/8/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Bắc Giang kết luận: Thương tích chạm thương vùng ngực trái không còn dấu vết+ X-quang: Gãy xương sườn VI đường nách trước trái, Không thấy tràn dịch màng phổi, tràn khí màng phổi hai bên 3%; Thương tích chạm thương vùng mạn sườn trái không còn dấu vết + CT Scanner: Hình ảnh chấn thương lách độ II, ít dịch tự do ổ bụng: 10%; tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 13%; các thương tích do vật tày gây nên (BL 18-19)

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hoà tiến hành thực nghiệm điều tra cho Nguyễn Văn H, Nguyễn Quang H1, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn N diễn lại hành vi gây thương tích cho anh Nguyễn Văn T1. Kết quả, Các bị cáo thực hiện được hành vi đã gây thương tích cho anh T1. Phù hợp với lời khai của bị cáo và các chứng cứ khác của vụ án.

Căn cứ lời khai của các bị cáo, Cơ quan điều tra đã truy tìm vật chứng (04 chiếc gậy các bị can dùng để đánh anh T1) nhưng không truy tìm được.

Đối với hành vi đánh nhau của Dương Văn Đ; Nguyễn Văn D; Nguyễn Văn T1. Trưởng Công an huyện H đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra gia đình các bị can đã bồi thường cho anh T1 10.000.000 đồng (cụ thể mỗi bị can 2.000.000 đồng). Anh Nguyễn Văn T1 yêu cầu các bị can phải bồi thường tiếp 50.000.000 đồng.

Với nội dung trên bản án hình sự sơ thẩm số 41/2019/HSST ngày 26/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang đã xét xử và quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Quang H1, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Văn Q và Nguyễn Văn N phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 – Bộ luật hình sự:

- **Xử phạt:** Nguyễn Văn H 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

- **Xử phạt:** Nguyễn Quang H1 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

- **Xử phạt:** Nguyễn Xuân T 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

- **Xử phạt:** Nguyễn Văn Q 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

- **Xử phạt:** Nguyễn Văn N 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi cấp sơ thẩm xét xử xong, ngày 27/6/2019 bị cáo Nguyễn Văn N, bị cáo Nguyễn Văn Q có đơn kháng cáo với nội dung: đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Ngày 08/7/2019, bị cáo Nguyễn Quang H1, bị cáo Nguyễn Xuân T, bị cáo Nguyễn Văn H kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Bị cáo H1 kháng cáo xin treo với lý do: Xảy ra xô sát là do anh T1 gây sự trước, bị cáo chỉ phòng vệ. Sau khi gây thương tích bị cáo đã bồi thường cho anh T1.

Bị cáo T kháng cáo với lý do: trong vụ án này lỗi chính thuộc về anh T1 vì những người trong nhóm anh T1 đã vô cớ chặn đánh chúng tôi 03 lần, lần 3 đã chuẩn bị gậy tre chặn đánh thì bị chúng tôi lấy được gậy đánh lại. Sau khi gây thương tích cho anh T1, bị cáo đã thấy sai và đã khai báo thành khẩn, bồi thường cho anh T1. Đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện làm lại cuộc đời.

Bị cáo Q trình bày: Trước khi xét xử phúc thẩm, bị hại anh T1 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo đã khắc phục bồi thường đầy đủ cho bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo N trình bày: Trước khi xét xử phúc thẩm, bị hại anh T1 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo đã bồi thường thêm cho bị hại, ông bà nội được tặng thưởng huân huy chương kháng chiến. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo H trình bày: Do bực tức nhóm anh T1 đã chặn đánh chúng tôi trước nên lần thứ 3 nhóm anh T1 định đánh chúng tôi tiếp thì bị chúng tôi đánh lại và gây thương tích cho anh T1. Trong quá trình điều tra bị cáo đã khai báo thành khẩn và bồi thường cho anh T1.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên toà, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đưa ra đề nghị xem xét các vấn đề kháng cáo mà bị cáo nêu ra đã kết luận và đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Quang H1, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Văn Q và Nguyễn Văn N. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các bị cáo không có tranh luận gì.

Các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Quang H1, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Văn Q và Nguyễn Văn N nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Quang H1, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn N nộp theo đúng các quy định của pháp luật nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp cần được chấp nhận để xem xét.

[2] Qua quá trình xét hỏi tại phiên tòa, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thấy đủ cơ sở xác định:

Do có sự xô xát từ trước nên khoảng 22 giờ ngày 17/6/2018, khi gặp nhóm Dương Văn Đ, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn T1 và một số thanh niên khác tại đường Quốc lộ 37 thuộc thôn H, xã H, hai bên tiếp tục xảy ra va chạm đánh nhau, nhóm của anh T1 bỏ chạy. Bị cáo H đã đuổi và giữ được anh T1, bị cáo H dùng tay đấm anh T1 và sau đó các bị cáo còn lại chạy đến dùng gậy gỗ dài khoảng 60cm, đường kính khoảng 4-5cm, mỗi bị cáo vụt từ 3-4 cái vào người anh T1 gây nên thương tích cho anh T1. Kết quả giám định anh T1 tổn hại 13% sức khỏe.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Quang H1, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn N đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cố ý gây thương tích" được quy định tại Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Quang H1, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn N thì thấy:

Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, mặc dù chỉ có xô xát nhỏ nhưng các bị cáo đã dùng gậy gỗ là hung khí nguy hiểm đánh gây thương tích cho bị hại. Hậu quả anh T1 bị tổn hại 13% sức khỏe cho thấy các bị cáo là người coi thường pháp luật. Do vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải bị xử lý nghiêm.

Bản án sơ thẩm sau khi xem xét đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi của các bị cáo, đánh giá toàn bộ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo đã xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 15 (mười lăm) tháng tù, xử phạt bị cáo Nguyễn Quang H1 15 (mười lăm) tháng tù, xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T 15 (mười lăm) tháng tù là hoàn toàn tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo.

Các bị cáo H, H1, T kháng cáo xin được hưởng án treo, tuy nhiên tại Tòa án cấp phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới nên Hội

đồng xét xử thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo H, H1, T; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với các bị cáo H, H1, T như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với các bị cáo Nguyễn Văn Q và Nguyễn Văn N, tại phiên tòa phúc thẩm có thêm tình tiết mới là người bị hại anh T1 có đơn xin cho các bị cáo giảm nhẹ hình phạt vì các bị cáo đã bồi thường đầy đủ cho anh T1. Đây là tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS mà cấp phúc thẩm cần áp dụng thêm cho các bị cáo Q và N. Mặt khác, các bị cáo Q, N có nhân thân tốt, xuất thân từ thành phần nhân dân lao động, phạm tội lần đầu, có nơi cư trú ổn định, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết buộc phải cách ly các bị cáo Q và N khỏi xã hội mà cho cải tạo tại địa phương có thời gian thử thách cũng đủ giáo dục bị cáo trở thành con người tốt, đảm bảo điều kiện quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự 2015. Vì vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận đơn kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Q và N, sửa bản án sơ thẩm là đúng quy định và phù hợp pháp luật.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Quang H1, Nguyễn Xuân T không được chấp nhận nên các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Quang H1, Nguyễn Xuân T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Do được chấp nhận kháng cáo nên bị cáo Nguyễn Văn Q và Nguyễn Văn N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Quang H1, Nguyễn Xuân T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với các bị cáo H, H1, T.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn Q và Nguyễn Văn N, sửa bản án sơ thẩm giữ nguyên mức hình phạt tù và cho các bị cáo Q và N hưởng án treo.

- Áp dụng điểm đ, khoản 2 Điều 134, điểm b,s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 – Bộ luật hình sự:

Xử phạt Nguyễn Văn H 15 (mười lăm) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang H1 15 (mười lăm) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T 15 (mười lăm) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

- Áp dụng điểm đ, khoản 2 Điều 134, điểm b,s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 – Bộ luật hình sự:

Xử phạt Nguyễn Văn Q 15 (mười lăm) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Văn Q cho Ủy ban nhân dân xã Thanh Vân, huyện H, tỉnh Bắc Giang để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.T hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Xử phạt Nguyễn Văn N 15 (mười lăm) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Văn N cho Ủy ban nhân dân xã Thanh Vân, huyện H, tỉnh Bắc Giang để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

[2]. Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội:

Các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Quang H1, Nguyễn Xuân T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn Q không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- CA, VKS, TA huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu HS, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Dung